

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/1/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+P2+BK5+CTK3	7:25	16+0+0+3	0+0+0+0		10+0+0+11	0+0+0+0	chuyen 2 P2-BK5
2		RC5+TD3+P4	9:25	6+10+5	0+0+0		5+3+13	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
Bk4 đi qua TD3



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: MRM - P2 - BK5 - CTK3	CREW: Linh - Chiến - Q.Trường	ETA: 09:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔNG TIÊN QUANG	MRM	45	1	17		78	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VĨNH KHA	MRM	46	1	5		76	DVL	Vietnamese
3	ĐÀO VĂN YẾN	MRM	33	1	5		70	DVL	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC HUƠNG	MRM	48	1	15		90	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC SƠN	MRM	44	1	15		67	DVL	Vietnamese
6	HUYNH VŨ TÍNH	MRM	35	1	5		70	DVL	Vietnamese
7	LE VAN BIEN	MRM	41-42	2	15		70	PVD-BH	Vietnamese
8	BUI BA KIEN	MRM	39-40	2	19		67	PVD-BH	Vietnamese
9	NGO MINH CHANH	MRM	47	1	12		60	PVD-BH	Vietnamese
10	THAI DOAN MAO	MRM	43	1	5		70	PVD-BH	Vietnamese
11	NGUYEN CUU VINH	MRM	37-38	2	15		55	PVD-BH	Vietnamese
12	SADOVNICHENKO D.	MRM	32	1	15		103	KHOAN	Russian
13	NGUYỄN HOANG LONG	MRM	31	1	15		82	KHOAN	Vietnamese
14	VILISOV VIACHESLAV	MRM	27	1	9		65	KHOAN	Russian
15	PHAN DINH GIAP	MRM	36	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG XUAN CANH	MRM	34	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	34	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	CTK3	38-39	2	18	40	72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRI TIN	CTK3	37	1	5		80	SAN BAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	16	19	177	1.178	0	10		CHUYEN 02 PAX TU P2 SANG BK5
2	P2	0	0	0	0	15	0		
3	BK5	0	0	0	0	0	0		
4	CTK3	3	4	28	232	40	11		
TOTAL		19	23	205	1.410	55	21		
WEIGHT KG				205	1.410	55			

GRAND TOAL: 1.670 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/11/2023	TO: RC5 - TD3 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Linh - CHIẾN - QTrưởng	ETA: 11:45
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MINH NGỌC	RC5	60-61	2	15	33	77	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN DÂN	RC5	57	1	10	18	62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN THANH PHUONG	RC5	62-63	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC SƠN	RC5	53-54	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC TRUNG	RC5	58-59	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ KHANH	RC5	55-56	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
7	DO HUY KHANH	RC5	64	1	5		81	PSV	Vietnamese
8	PHAN ĐĂNG TUẤN	TD3	03-04	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG QUANG TUẤN	TD3	11-12	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ VĂN DUÂN	TD3	10	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
11	TRƯỜNG THẾ HUY	TD3	08-09	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG HUY	TD3	15	1	15		58	XAYLAP	Vietnamese
13	LƯU QUANG NGHỊ	TD3	06-07	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ ANH DUNG	TD3	13-14	2	15		79	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VĂN HOANG	TD3	01-02	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN THANH NAM	TD3	16-17	2	15		76	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN HAI TÙNG	TD3	05	1	15		89	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NGHIÊM	P4	72	1	7		64	KHI	Vietnamese
19	LÊ NGỌC HÙNG	P4	70	1	6		71	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY KHANH	P4	71	1	5		60	KHI	Vietnamese
21	ĐÀO ĐỨC ĐÔNG	P4	67-68	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P4	69	1	15		90	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	7	12	87	490	51	5		
2	TD3	10	17	154	712	0	3		
3	P4	5	6	48	357	0	13		
TOTAL		22	35	289	1.559	51	21		
WEIGHT KG				289	1.559	51			

GRAND TOTAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




Rep

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+TTC2+AMD	7:25	8+0+14	0+0+0		6+1+15	0+0+0	
2		CTK3+P8	7:25	15+1	0+0		15+1	0+0	Tháo 6 ghế chở cồng P8
3		RC8+PPD	7:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
4		RP3+RP2	9:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
5		P1+PPD	9:25	7+15	0+0		0+22	0+0	
6		GTCl+BK16+PPD	9:25	6+6+10	0+0+0		6+6+10	0+0+0	
7		CTK3	11:25	21	0		22	0	
8		PPD+P4	11:25	12+10	0+0		5+16	0+0	
9		RP3+BK20	11:25	21+0	0		15+5	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/Inguoi TTC2 về đi RP3, Đi về trong ngày P4-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2023	TO: P4 - TTC2 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - Huy	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CẢNH TÂN	P4					70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG THANH GIÁP	P4	900	1	5		75	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	83	1	5		70	KHI	Vietnamese
4	HOANG TRỌNG TÂN	P4	80-81	2	12		72	KHI	Vietnamese
5	TRẦN SƠN NAM	P4	91	1	5		85	KHI	Vietnamese
6	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	82	1	5		65	KHI	Vietnamese
7	PHAN VĂN THỊNH	P4	01	1	5		72	NIPI	Vietnamese
8	NGUYỄN THỊ HẠNG	P4					59	NIPI	Vietnamese
9	TRẦN LÊ HOA	AMD	33	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	39-40	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	36-37	2	10		50	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	98	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIẾU	AMD	30	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	AMD	99	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LY CAO THĂNG	AMD	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	AMD	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ PHAN NGỌC CHÂU	AMD	41	1	8	60	85	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	42	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CHÍ CƯỜNG	AMD	95-96	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HUNG	AMD	31-32	2	12		65	PSV	Vietnamese
22	MAI CAO ĐỊNH	AMD	43	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	7	37	568	0	6		
2	TTC2	0	0	0	0	33	1		
3	AMD	14	18	96	962	60	15		
TOTAL		22	25	133	1.530	93	22		
WEIGHT KG				133	1.530	93			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: CTK3 - P8	CREW: TTrung - Son - DTùng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI HUU HUAN	CTK3	29	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	DO VAN BINH	CTK3	30	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TAT THANG	CTK3	31	1	2		65	YTE	Vietnamese
4	BOGDANOV	CTK3	20	1	6		82	KH-THAC	Russian
5	TRINH QUOC HUY	CTK3	21	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG HA	CTK3	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN DU	CTK3	27	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HONG ANH	CTK3	26	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	19	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN BA HUE	CTK3	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH CHUNG	CTK3					74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO QUANG THANG	CTK3	33	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	32	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐAM VAN THANH	CTK3	25	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
15	VU TRUNG KIEN	CTK3	23-24	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGO HOAN	P8				40	60	Y TE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	15	84	1.045	0	15		THAO 6 GHE CHO CANG
2	P8	1	0	0	60	40	1		
TOTAL		16	15	84	1.105	40	16		
WEIGHT KG				84	1.105	40			

GRAND TOAL: 1.229 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2023	TO: RC8 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - THỤ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YUKHIMCHUK	RC8	86	1	10		82	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN GIA CUƠNG	RC8	76	1	10	14	65	KH-THAC	Vietnamese
3	TẠ HỒNG QUAN	RC8	72	1	10	29	64	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN TÂM	RC8	71	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	74	1	5		86	KHI	Vietnamese
6	ĐÌNH NGỌC QUÝ	PPD	68	1	5		75	KHI	Vietnamese
7	BUI HUU LAN	PPD	60	1	5		78	KHI	Vietnamese
8	ĐẶNG HỒNG QUAN	PPD	66	1	3		75	KHI	Vietnamese
9	VÔ QUANG ĐẠT	PPD	400	1	6		58	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	58	1	3		85	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	61	1	7		63	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	59	1	3		75	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	65	1	5		60	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	01	1	7		83	KHI	Vietnamese
15	CAO NAM QUÝ	PPD	02	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	03	1	3		56	KHI	Vietnamese
17	HA THE BAO	PPD					77	KHI	Vietnamese
18	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	67	1	3		79	KHI	Vietnamese
19	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	64	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	63	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD					60	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THANH KIM	PPD	62	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC8	4	4	39	274	43	0		
2	PPD	18	16	70	1.296	0	22		
TOTAL		22	20	109	1.570	43	22		
WEIGHT KG				109	1.570	43			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: RP3 - RP2	CREW: HUNG - ĐNam - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THANH	RP3	81	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN CHINH THI	RP3	80	1	5		74	KHI	Vietnamese
3	TU NGOC HAI	RP3	77-78	2	10		70	KHI	Vietnamese
4	LE DUC VIET	RP3	88	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	VU MANH CUONG	RP3	76	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	BUI VAN PHU	RP3	86	1	3		72	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG NAM	RP3					90	KHI	Vietnamese
8	DUONG HONG QUAN	RP3	85	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	TRINH QUANG HUY	RP3					72	KHI	Vietnamese
10	LE TUAN ANH	RP3	79	1	5		78	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN CONG PHUONG	RP3	96-97	2	8		66	CODIEN	Vietnamese
12	TRINH HOAI DUC	RP3	74-75	2	10		75	CODIEN	Vietnamese
13	CAO QUANG HUNG	RP3	91	1	8	44	110	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	82-83	2	8		60	KHI	Vietnamese
15	PHAM VAN THIET	RP3	84	1	5		65	KHI	Vietnamese
16	LE XUAN HIEN	RP3	89-90	2	15		80	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	87	1	4		60	KHI	Vietnamese
18	HA DUC KHANH	RP2	78,80	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG HOA	RP2	84	1	4		67	XAYLAP	Vietnamese
20	TRUONG MANH DUNG	RP2	79	1	10	40	70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN HUU TUAN	RP2	81-82	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN LE THE ANH	RP2	76-77	2	10	10	70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	20	111	1,242	44	16		
2	RP2	5	8	57	344	50	6		
TOTAL		22	28	168	1,586	94	22		
WEIGHT KG				168	1,586	94			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2023	TO: P1 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TTrung - Sơn - DTùng	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯƠNG TUÂN ANH	P1	56-57	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ TRUNG KIẾN	P1	58	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN QUÝ	P1	64	1	9	35	79	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ TRỌNG NHIÊN	P1	61	1	10		53	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC HÙNG	P1	59-60	2	23	20	85	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN TUÂN	P1	63	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY KHÁNH	P1	62	1	13		68	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	59	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	46	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC HIẾU	PPD	47	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ HỒ HAI	PPD	52	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁC LÂM	PPD	53	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUÂN ANH	PPD	45	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG XUÂN HAI	PPD	58	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ HỮU NAM	PPD	55	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ ĐỨC TÔN	PPD	50	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH THẮNG	PPD	51	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT DŨNG	PPD	48	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
19	LƯƠNG VĂN TĂNG	PPD	54	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ VIỆT ANH	PPD	49	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN KHÁC THỊNH	PPD	57	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
22	QUAN HỒNG QUANG	PPD	56	1	7		71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	7	9	88	506	55	0		
2	PPD	15	15	76	1.039	0	22		
TOTAL		22	24	164	1.545	55	22		
WEIGHT KG				164	1.545	55			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:58
FLIGHT: 06	TO: GTC1 - BK16 - PPD	CREW: VThắng - MTHAO - THỤ	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	GTC1	99	1	7	50	71	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HUNG	GTC1					79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BẮC	GTC1	96	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGHĨA TÍN	GTC1	100	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC TÍNH	GTC1	97-98	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
6	KIEU VĂN TUẤN	GTC1	01	1	3		82	PSV	Vietnamese
7	PHẠM VĂN KHANG	BK16	04	1	4	28	78	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẠO KIM CUÔNG	BK16	03	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ MINH THẮNG	BK16	07	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	05-06	2	4		85	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐUÔNG	BK16	16	1	19	39	66	CODIEN	Vietnamese
12	HOANG THAI LONG	BK16	08	1	5		54	PSV	Vietnamese
13	ĐẠO MẠNH HUY	PPD	96	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN HOÀI BẢO	PPD	98	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	94	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI NGỌC DUNG	PPD	88	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	PPD	89-90	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HỒNG PHONG	PPD	97	1	4	5	78	KHI	Vietnamese
19	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	91	1	4		64	KHI	Vietnamese
20	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	95	1	4		63	KHI	Vietnamese
21	LÊ HUY VINH	PPD	92	1	5		62	KHI	Vietnamese
22	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	93	1	4		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	6	6	46	436	50	6		
2	BK16	6	7	39	415	67	6		
3	PPD	10	11	50	676	5	10		
TOTAL		22	24	135	1.527	122	22		
WEIGHT KG				135	1.527	122			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: CTK3	CREW: TUYỀN - N.ANH - Vũ	ETA: 14:00
VANG -3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	39	1	13		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	18	1	18		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN CUÔNG	CTK3	746,751	2	25		64	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO HỮU ĐỨC	CTK3	443	1	9		95	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ NGỌC CHÍNH	CTK3	17	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN QUY DUNG	CTK3	44	1	11		62	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM ANH ĐỨC	CTK3	17-18	2	13		58	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	CTK3	444	1	15	28	70	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ PHƯƠNG VIỆT ANH	CTK3	81	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
10	LA KHẮC HAO	CTK3	45	1	13		53	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH TÔI	CTK3	01,23	2	14		69	XAYLAP	Vietnamese
12	TRỊNH VĂN BÀU	CTK3	45-46	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ ANH MINH	CTK3	761	1	10	18	77	T-TIN	Vietnamese
14	CAO KINH THAO	CTK3	446	1	11		72	T-TIN	Vietnamese
15	PHAM HONG SON	CTK3	63-64	2	19		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN SON HA	CTK3	701	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHUNG DINH HAI	CTK3	78	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN DAT	CTK3	11-12	2	20		83	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG DU KHANH	CTK3	09-10	2	24		78	KH-THAC	Vietnamese
20	LUYEN VAN THIEU	CTK3	19,80	2	23		76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN BAO AN	CTK3	13-14	2	13		77	KH-THAC	Vietnamese
22	DUONG VAN QUAN	CTK3	748	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	31	310	1.587	46	22		
TOTAL		22	31	310	1.587	46	22		
WEIGHT KG				310	1.587	46			

GRAND TOAL: 1.943 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/11/2023	TO: PPD - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TTrung - M.Đức - QTrưởng	ETA: 14:05
CAM-3			

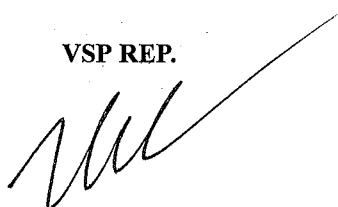
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	72	1	10		68	KHI	Vietnamese
2	PHẠM VĂN SƠN	PPD	68-69	2	15		55	KHI	Vietnamese
3	TRẦN HOÀNG QUYÊN	PPD	70-71	2	10		69	KHI	Vietnamese
4	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	76	1	7	20	59	KHI	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN KIỆU	PPD	80	1	15		51	KHI	Vietnamese
6	ĐỖ QUỐC HUY	PPD	78-79	2	15		69	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	73-74	2	15		75	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LÂM	PPD	75	1	10		86	ANTOAN	Vietnamese
9	PHAN VĂN HỌC	PPD	85-86	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
10	CAO VĂN MẠNH	PPD	81-82	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
11	KHÔNG QUỐC TIẾN	PPD	83-84	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH ĐÔNG	PPD	77	1	3		45	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	10	1	5		92	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN THANH	P4	11	1	5		61	KHI	Vietnamese
15	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	04	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	05-06	2	6		68	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HỮU THỌ	P4	08	1	7	20	65	KHI	Vietnamese
18	HOÀNG THAI DƯƠNG	P4	07	1	5	5	70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ANH	P4	12-13	2	21	25	67	KHI	Vietnamese
20	MAI MINH TUẤN	P4	03	1			67	PSV	Vietnamese
21	BUI VĂN TỰ	P4	02	1	6		57	SV	Vietnamese
22	DƯƠNG VĂN CHÂU	P4	01	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

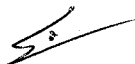
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	12	19	154	772	20	5		
2	P4	10	12	65	673	50	16		
TOTAL		22	31	219	1.445	70	21		
WEIGHT KG				219	1.445	70			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

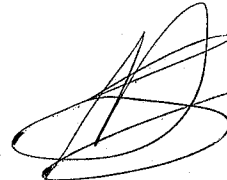
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
FLIGHT: 09	TO: RP3 - BK20	CREW: Linh - XTrường - Toan	ETA: 14:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN CHUONG	RP3	43	1	9	101	70	KHI	Vietnamese
2	TRIEU VAN DONG	RP3	47	1	9		81	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN DUY KHAM	RP3	95	1	8		71	KHI	Vietnamese
4	LUU HONG QUAN	RP3	44	1	10		55	KHI	Vietnamese
5	ĐINH CÔNG NGHIỆP	RP3	96	1	7		66	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HUU TRINH	RP3	796	1	10		78	KHI	Vietnamese
7	LE VAN DAI	RP3	797-798	2	10		73	KHI	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN LỊCH	RP3	82-83	2	13		54	KHI	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN NGHINH	RP3	799	1	6		73	KHI	Vietnamese
10	TẠ PHI KHANH	RP3					69	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TUÔNG	RP3					73	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THANH	RP3	99,91	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VĂN SĨ	RP3	92	1	12	24	80	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HUU HOANG VIEN	RP3	93-94	2	20		52	XAYLAP	Vietnamese
15	NINH TRUNG LUONG	RP3	97-98	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
16	LE THANH TIEN	RP3	48-49	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN BA MẬU	RP3	46	1	4		65	PSV	Vietnamese
18	LE XUAN HA	RP3	45	1	10		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THỂ HUY	RP3	795	1	12		77	CODIEN	Vietnamese
20	PHAN NGOC AN	RP3	01-03	3	11		71	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	26	206	1.395	125	15		
2	BK20	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		20	26	206	1.395	125	20		
WEIGHT KG				206	1.395	125			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P2+BK5	7:25	21+0+0	0+0+0		19+2+0	0+0+0	chuyen 1 p2-bk5
2		CLO	9:25	22	0		20	0	
3		T.UNG	11:25	1	0		16	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD1 - P2 - BK5	CREW: CHIẾN - NPhú - Thành	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO MINH DỪNG	TD1	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ VĂN QUY	TD1	81	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH HUY TOAN	TD1	78	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ TU NAM	TD1	79	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
5	THAI ĐỨC TOAN	TD1	63-64	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	80	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NGOC SON	TD1	75	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	76	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	74	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
10	HỒ VĂN HẬU	TD1	82	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG TUAN ANH	TD1	71	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG THỰC	TD1	66	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG MINH ĐỨC	TD1	73	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM MINH TRỌNG	TD1	72	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	65	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ HỒNG DUNG	TD1	77	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ CHÍ THANH	TD1	83-84	2	19	85	72	DVL	Vietnamese
18	VŨ TRƯỞNG GIANG	TD1	85	1	12		65	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN NAM HAI	TD1	67-68	2	15		76	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC BÌNH	TD1	70	1	15		66	DVL	Vietnamese
21	THAI DUC DUNG	P2	500	1	10		75	XAY LAP	Vietnamese
22	VO VAN XUAN	P2	98	1	7	20	65	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	20	23	158	1.362	85	19		CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG BK5
2	P2	2	2	17	140	20	2	1	
3	BK5	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	25	175	1.502	105	21		
WEIGHT KG				175	1.502	105			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2023	TO: CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPhú - Thành	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHDANOV VLADIMIR	CLO	56	1	17		128	KHOAN	Russian
2	SUKHOMLIN IGOR	CLO	48	1	5		125	KHOAN	Russian
3	LÊ MẠNH THĂNG	CLO	54	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
4	PHẦN QUANG HIẾN	CLO	66-67	2	8		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	59	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VIỆT HÙNG	CLO	57	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG DUY LY	CLO	55	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN BÌNH	CLO					64	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO TRƯỜNG GIANG	CLO	62	1	12		77	KHOAN	Vietnamese
10	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	65	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	52	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH NGỌC GIANG	CLO	60	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
13	BUI XUÂN DUY	CLO	61	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG TIẾN	CLO	63-64	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH XUÂN PHÚ	CLO	58	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
16	BUI TRẦN NAM	CLO	68	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LỰC	CLO	50	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG TRUNG THÔNG	CLO	49	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	CLO	51	1	4		78	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIẾN	CLO	53	1	6		75	DVL	Vietnamese
21	ĐO TIẾN DUNG	CLO	69	1	6		56	DVL	Vietnamese
22	TRẦN VĂN GIANG	CLO	70	1	6		71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	23	139	1.662	0	20		
TOTAL		22	23	139	1.662	0	20		
WEIGHT KG				139	1.662	0			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2023	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:00
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LTuấn - MMinh	ETA: 14:15
HONG - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN QUOC ANH	T.UNG	30	1	8	40	66	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	1	1	8	66	40	16		
TOTAL		1	1	8	66	40	16		
WEIGHT KG				8	66	40			

GRAND TOAL: 114 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN